

**CÔNG TY TNHH YURI TECH**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH YURI TECH

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài:

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 2300984894

**3. Ngày thành lập:** 01/06/2017

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Số 14, Đường Võ Cường 10, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

Điện thoại: 0901.891.123

Fax:

Email:

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                              | Mã ngành |
|-----|------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng                                     | 2640     |
| 2.  | Lập trình máy vi tính                                                  | 6201     |
| 3.  | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác                        | 4659     |
| 4.  | Đúc kim loại màu                                                       | 2432     |
| 5.  | Sản xuất kim loại màu và kim loại quý                                  | 2420     |
| 6.  | Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp                                | 3320     |
| 7.  | Đúc sắt, thép                                                          | 2431     |
| 8.  | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                     | 4652     |
| 9.  | Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm                    | 4651     |
| 10. | Sản xuất dây cáp, sợi cáp quang học                                    | 2731     |
| 11. | Sản xuất thiết bị truyền thông                                         | 2630     |
| 12. | Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính              | 2620     |
| 13. | Sản xuất linh kiện điện tử                                             | 2610     |
| 14. | Rèn, dập, ép và cán kim loại; luyện bột kim loại                       | 2591     |
| 15. | Sản xuất sắt, thép, gang                                               | 2410     |
| 16. | Sản xuất đồ điện dân dụng                                              | 2750     |
| 17. | Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống | 4620     |
| 18. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                         | 4329     |
| 19. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                    | 5229     |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ   | 5221     |
| 21. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                         | 4933     |

|     |                                                                                                                                                                         |             |
|-----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 22. | Vận tải hành khách đường bộ trong nội thành, ngoại thành (trừ vận tải bằng xe buýt)                                                                                     | 4931        |
| 23. | Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp                                                                                                                  | 4653        |
| 24. | Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính                                                                                         | 6209        |
| 25. | Sản xuất giấy nhãn, bì nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                                                                                                      | 1702        |
| 26. | Sản xuất dây, cáp điện và điện tử khác                                                                                                                                  | 2732        |
| 27. | Sản xuất thiết bị điện khác                                                                                                                                             | 2790        |
| 28. | Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan                                                                                                            | 4661(Chính) |
| 29. | Sản xuất các sản phẩm khác từ giấy và bìa chưa được phân vào đâu                                                                                                        | 1709        |
| 30. | Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính                                                                                                                     | 6202        |
| 31. | Giáo dục nghề nghiệp                                                                                                                                                    | 8532        |
| 32. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                | 4773        |
| 33. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh | 4759        |
| 34. | Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                  | 4741        |
| 35. | Sản xuất sản phẩm từ plastic                                                                                                                                            | 2220        |
| 36. | Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học                                                                                                                                  | 3313        |
| 37. | Bán buôn tổng hợp                                                                                                                                                       | 4690        |
| 38. | Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                       | 4669        |
| 39. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                                                                                                          | 1701        |
| 40. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại                                                                                                                                     | 4662        |
| 41. | Sửa chữa thiết bị điện                                                                                                                                                  | 3314        |
| 42. | Sửa chữa các sản phẩm kim loại đúc sẵn                                                                                                                                  | 3311        |
| 43. | Sản xuất thiết bị dây dẫn điện các loại                                                                                                                                 | 2733        |
| 44. | Sửa chữa và bảo dưỡng phương tiện vận tải (trừ ô tô, mô tô, xe máy và xe có động cơ khác)                                                                               | 3315        |
| 45. | Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét                                                                                                                                         | 0810        |
| 46. | Giáo dục khác chưa được phân vào đâu                                                                                                                                    | 8559        |
| 47. | Giáo dục văn hoá nghệ thuật                                                                                                                                             | 8552        |
| 48. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                 | 4772        |
| 49. | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                                                                                                      | 4649        |
| 50. | Sửa chữa máy móc, thiết bị                                                                                                                                              | 3312        |
| 51. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                   | 4321        |

|     |                                                                                                                                                                                        |                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 52. | Ghi chú: Doanh nghiệp chỉ được kinh doanh khi có đủ điều kiện theo quy định. Danh mục ngành, nghề đầu tư kinh doanh có điều kiện quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Luật Đầu tư. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|

**6. Vốn điều lệ:** 300.000.000 VNĐ

**7. Thông tin về chủ sở hữu:**

Họ và tên: NGUYỄN TIẾN TRÀ

Giới tính: Nam

Sinh ngày: 24/04/1983

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy chứng thực cá nhân: 026083002879

Ngày cấp: 27/09/2016

Nơi cấp: Cục cảnh sát ĐKQL Cư trú và DLQG về dân cư

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xích Thổ, Thị trấn Hoa Sơn, Huyện Lập Thạch, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

Chỗ ở hiện tại: Xích Thổ, Thị trấn Hoa Sơn, Huyện Lập Thạch, Tỉnh Vĩnh Phúc, Việt Nam

**8. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Họ và tên: KIM YURI

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 03/01/1991

Dân tộc: Quốc tịch:

Hàn Quốc

Loại giấy tờ chứng thực cá nhân: Hộ chiếu nước ngoài

Số giấy chứng thực cá nhân: M61189185

Ngày cấp: 24/10/2014

Nơi cấp: Bộ Ngoại giao Hàn Quốc

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: 255, Bongjeong-ro, Seobuk-gu, Cheonam-si, Chungcheongnam-do, Hàn Quốc

Chỗ ở hiện tại: Số 14, Đường Võ Cường 10, Phường Võ Cường, Thành phố Bắc Ninh, Tỉnh Bắc Ninh, Việt Nam

**9. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bắc Ninh